

Thái Hòa, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm e tiểu mục 1.4 mục 1 phần 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Văn T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh P

Địa chỉ: Số 417, đường T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Trung K – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp – chi nhánh P

(theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng số 230/QĐ-BIDV.PQ ngày 09/4/2019).

Ông Nguyễn Duy T – Chức vụ: Chuyên viên phòng khách hàng doanh nghiệp

(theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng số 231/QĐ-BIDV.PQ ngày 09/4/2019).

- **Bị đơn:** + Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1961
+ Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1969
+ Anh Phạm Thành H, sinh năm: 1990
+ Anh Phạm Thành H, sinh năm: 1994

Bà Bùi Thị T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền cho ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H.

Đều trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 23/10/2019 là 5.597.216.876đ (năm tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 3.300.000.000đ (ba tỷ, ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 175.175.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 2.122.041.876 (hai tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 05/2722516/2014/HĐTD và bảng kê rút vốn ngày 24/10/2014

2.2. Kể từ ngày 01/11/2019 bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Q, anh H, anh H thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà bà T, ông Q, anh H, anh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2.3. Trong trường hợp bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai tại thửa đất số 139(60), tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 203, tờ bản đồ số 26) với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 200m² (đo thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ là 299,9m²) đất đã được UBND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phạm Văn Q vào ngày 29/10/2002 địa chỉ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp tài sản số NĐ12/2014/HĐTC ngày 24/01/2014 mà các bên đã ký kết (Nguyên nhân biến động diện tích đất tăng so với thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo bằng thủ công đến năm 2010 đo lại bằng máy)

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng T đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp để trả nợ mà đang còn và không có nghĩa vụ nào

khác phải thanh toán thì Ngân hàng T phải chuyển trả lại cho Bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H.

Trường hợp bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H trả hết nợ trên thì Ngân hàng T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 250016 mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn Q cho bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Bùi Thị T thỏa thuận bà Bùi Thị T, ông Phạm Văn Q, anh Phạm Thành H, anh Phạm Thành H chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.000.000đ và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2.5. Về án phí: Bà Bùi Thị T, thỏa thuận bà Bùi Thị T ông Phạm Văn Q, ông Phạm Thành H, ông Phạm Thành H chịu toàn bộ án phí KDTM ST với số tiền là 56.798.608đ (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm linh tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.392.626 (Năm mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000965 ngày 11/8/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngoan